

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2343 /BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

V/v xin ý kiến về Dự thảo Nghị định quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN

VAN PHÒNG UBND * LANG SON	
Số: 688	Ngày: 05/3/18
<b>ĐẾN</b>	Kính gửi:
Chuyên:	

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ (Vụ Pháp luật, Vụ KT Tổng hợp);
- Các Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.

Triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng Nghị định của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS), Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan có ý kiến đối với dự thảo Nghị định nêu trên (gửi kèm). Ý kiến xin gửi về Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) trước ngày 14/03/2018. Quá thời hạn nêu trên, nếu đơn vị không có ý kiến bằng văn bản thì được hiểu là đồng ý với dự thảo Nghị định.

Trân trọng./ *W*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHQ (39b). *W*

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**



*W*  
Vũ Thị Mai

**TỜ TRÌNH**

**Nghị định Quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ năm 2018 và Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc phê duyệt Nghị định thư số 7 về Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh, Bộ Tài chính xin trình Chính phủ dự thảo Nghị định Quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Ngày 09/10/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 105/NQ-CP phê duyệt Nghị định thư số 07 về hệ thống quá cảnh ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh, để triển khai hệ thống quá cảnh này cần thiết phải xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật bởi các lý do sau:

- *Thứ nhất*, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và thúc đẩy hoạt động quá cảnh hàng hoá, phát huy lợi thế vị trí địa lý của Việt Nam trong vận chuyên hàng hoá.

- *Thứ hai*, đảm bảo cam kết của Việt Nam khi tham gia phê duyệt Nghị định thư số 7 về Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN về tạo thuận lợi cho vận tải hàng hoá quá cảnh, hỗ trợ việc thực hiện khu vực Thương mại tự do ASEAN và liên kết kinh tế khu vực hơn nữa.

- *Thứ 3*, nội luật hoá các nội dung của Nghị định thư số 7, tạo cơ sở pháp lý trong việc triển khai Nghị định thư.

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục tiêu**

-*Thứ nhất*, thực hiện các chỉ đạo về cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ dần đạt được mục tiêu ngang bằng các nước Asean 4 theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP;

- *Thứ hai*, tăng cường quản lý rủi ro trong các khâu nghiệp vụ hải quan; đảm bảo rõ ràng, cụ thể, minh bạch trong quy định và thống nhất thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hoá quá cảnh;

- *Thứ ba*, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung và tương thích với các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực hải quan;

- *Thứ tư*, củng cố cơ sở pháp lý về thủ tục hải ... để đảm bảo quản lý về hải quan, tăng cường hoạt động phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

## **2. Quan điểm chỉ đạo**

- *Thứ nhất*, xây dựng quy định đảm bảo các nội dung tại Nghị định thư và nội luật hoá để đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

- *Thứ hai*, quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo nguyên tắc đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động quá cảnh hàng hoá, thủ tục đối với phương tiện vận tải vận chuyển hàng hoá quá cảnh;

- *Thứ ba*, tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị định theo đúng Luật ban hành văn bản QPPL 2015 và các văn bản hướng dẫn.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

1. Ngày , Bộ Tài chính đã có công văn số /BTC-TCHQ lấy ý kiến các Bộ, ngành, UBND các tỉnh thành phố, VCCI đối với dự thảo Nghị định.

2. Bộ Tài chính đã phối hợp với Cổng thông tin điện tử Chính phủ để đăng tải toàn văn dự thảo Nghị định, đồng thời đăng tải trên trang tin điện tử của Bộ Tài chính để các tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến.

3. Ngày....., Bộ Tài chính đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp tại TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và đã tổ chức làm việc với các Cục hải quan địa phương, đại diện một số Bộ liên quan như Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, các Hiệp hội và đại diện một số doanh nghiệp lớn. Tính đến ngày , Bộ Tài chính đã nhận được ..... văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các đơn vị (Phụ lục số I, trình kèm).

4. Ngày ....., Bộ Tài chính đã có văn bản số /BTC-TCHQ lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến của Bộ Tư pháp như sau:

.....

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Bố cục**

Dự thảo gồm 07 chương quy định các vấn đề cơ bản sau:

Chương 1: Quy định các vấn đề chung của Nghị định như phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ.

Chương 2: Quy định về hệ thống quá cảnh ASEAN, trong đó quy định về chuẩn dữ liệu trao đổi trên hệ thống quá cảnh ASEAN cũng như các thông báo điện tử trong hệ thống quá cảnh.

Chương 3: quy định về bảo lãnh, đặt cọc hàng quá cảnh (bảo lãnh riêng, bảo lãnh chung, đặt cọc hàng quá cảnh, hủy bỏ, thu hồi bảo lãnh)

Chương 4: quy định về doanh nghiệp ưu tiên hoạt động quá cảnh (quy định về điều kiện, quyền ưu tiên, thời hạn ưu tiên, thủ tục công nhận, trách nhiệm của các bên).

Chương 5: quy định về thủ tục hải quan, cũng như công tác giám sát của cơ quan hải quan đối với hàng hóa quá cảnh ACTS.

Chương 6: quy định về danh mục hàng hóa cấm/hạn chế quá cảnh.

Chương 7: quy định về nợ thuế hải quan

## **2. Nội dung cơ bản**

Nội dung dự thảo đề cập đến 04 nội dung chính:

Thứ nhất là thủ tục hải quan, thủ tục hải quan được thực hiện trên cơ sở hiệp định, nghị định thư và quy định của pháp luật mỗi nước, đối với Việt Nam đây là một thủ tục mới, với vị trí của Việt Nam thì Việt Nam là điểm đầu hoặc điểm cuối trong dây chuyền thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh này do vậy thủ tục hải quan tại dự thảo Nghị định được quy định chi tiết, cụ thể.

Thứ 2 là về hệ thống: thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh ACTS được thực hiện trên một hệ thống, các nước tham cùng thực hiện và cùng chia sẻ trên hệ thống đó, do vậy các nội dung liên quan đến hệ thống cũng phải được quy định rất cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất khi triển khai.

Thứ 3: Vấn đề bảo lãnh, nội dung này là một quy định mới so với pháp luật trong nước, theo quy định hiện hành thì hàng hóa quá cảnh thuộc đối tượng không chịu các loại thuế theo đó không phải bảo lãnh, tuy nhiên đối với quá cảnh ACTS thì phải thực hiện bảo lãnh, theo đó tại dự thảo này phát sinh đến việc bảo lãnh, đến các cơ quan bảo lãnh...đây là nội dung cơ bản, cần phải nội luật hóa tại dự thảo Nghị định này.

Thứ 4: Vấn đề về doanh nghiệp ưu tiên, quy định hiện hành hiện chỉ đang áp dụng quy định việc ưu tiên đối với doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, chưa quy định đối với doanh nghiệp thực hiện vận tải hàng hóa quá cảnh, tuy nhiên đề phù hợp với Nghị định thư số 7, tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nội dung liên quan đến doanh nghiệp ưu tiên để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính .....).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Lưu: VT, TCHQ (06b).

**BỘ TRƯỞNG**

**Đinh Tiến Dũng**

**DỰ THẢO**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

### **Dự thảo Nghị định quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS)**

Thực hiện kế hoạch xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản, Bộ Tài chính đã dự thảo Nghị định quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS)

Bộ Tài chính trình Chính phủ báo cáo đánh giá tác động của dự thảo như sau:

#### **I. Quan điểm, nguyên tắc xây dựng Nghị định**

##### **1. Quan điểm xây dựng Nghị định**

- Đảm bảo nguyên tắc đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động quá cảnh hàng hoá, thủ tục đối với phương tiện vận tải vận chuyển hàng hoá quá cảnh; Nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và thúc đẩy hoạt động quá cảnh hàng hoá, phát huy lợi thế vị trí địa lý của Việt Nam trong vận chuyển hàng hoá.

- Đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế và điều ước quốc tế, góp phần thực hiện chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cụ thể đảm bảo cam kết của Việt Nam khi tham gia phê duyệt Nghị định thư số 7 về Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN về tạo thuận lợi cho vận tải hàng hoá quá cảnh, hỗ trợ việc thực hiện khu vực Thương mại tự do ASEAN và liên kết kinh tế khu vực hơn nữa.

##### **2. Nguyên tắc xây dựng Nghị định**

- Phù hợp với chuẩn mực trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết.

- Tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị định theo đúng Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

#### **II. Đánh giá tác động của dự thảo**

Về cơ bản nội dung của dự thảo Nghị định dựa trên cơ sở các quy định, hướng dẫn tại Nghị định thư số 7 về Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN thuộc Hiệp định khung về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh ASEAN. Dự thảo chỉ

chi tiết hóa một số nội dung tại Nghị định thư nhằm tạo thuận lợi cho cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hóa quá cảnh thực hiện đúng, hiệu quả các quy định tại Nghị định thư số 7.

Dự thảo Nghị định đáp ứng các yêu cầu cải cách về mặt phương thức và hình thức quản lý đối với các giao dịch thương mại quá cảnh, trong đó tập trung vào các yếu tố như cơ chế bảo lãnh cho nợ thuế phát sinh trong các giao dịch quá cảnh, hệ thống thông tin quốc gia được điện tử hóa để kết nối và trao đổi dữ liệu vận chuyển quá cảnh giữa các Nước thành viên, áp dụng quản lý rủi ro để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật được đơn giản hóa về quy trình thủ tục. Cụ thể:

### **1. Về mặt pháp lý:**

Dự thảo Nghị định quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS) hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định thư số 7 về Hệ thống Quá cảnh Hải quan, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc thiết lập hệ thống vận tải quá cảnh hiệu quả trong các nước thành viên của ASEAN. Dự thảo Nghị định sẽ có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa quá cảnh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nâng cao chất lượng phục vụ loại hình dịch vụ này đồng thời đảm bảo công tác quản lý giám sát hải quan.

### **2. Về chính trị, kinh tế, xã hội**

Về khía cạnh chính trị, dự thảo Nghị định góp phần đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế và điều ước quốc tế, góp phần thực hiện chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, khẳng định mong muốn và nỗ lực của Việt Nam trong việc tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

Về kinh tế xã hội, dự thảo Nghị định góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại quá cảnh tại các cửa khẩu cũng như thiết lập cơ chế hợp tác giữa hải quan các nước trong việc quản lý thương mại quá cảnh giữa các nước một cách hiệu quả. Những nội dung mang tính cải cách về phương thức và hình thức quản lý đối với các giao dịch quá cảnh hoàn toàn phù hợp với mục tiêu cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thương mại quốc tế mà Chính phủ đang áp dụng mạnh mẽ trong thời gian gần đây. Hơn nữa, với vị trí địa lý thuận lợi, Việt Nam hứa hẹn là địa điểm quá cảnh tiềm năng cho hàng hóa của các nước trong khu vực khi muốn xuất khẩu đến các nước khác, mở ra cơ hội để Việt Nam phát triển các dịch vụ vận tải quá cảnh, góp phần thúc đẩy phát triển thương mại và thu hút đầu tư, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế và quốc gia.

### **3. Về công tác quản lý, giám sát hải quan**

Dự thảo Nghị định quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS) hướng dẫn cụ thể một số nội dung liên quan đến bảo lãnh hàng hóa quá cảnh, doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên, nợ thuế và thù hồi nợ thuế hải quan và các thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh trên Hệ thống quá cảnh hải

quan ASEAN (ACTS). Với việc quy định cụ thể các nội dung này tại dự thảo Nghị định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa quá cảnh, nâng cao chất lượng phục vụ loại hình dịch vụ này đồng thời giúp cho việc quản lý của cơ quan quản lý nhà nước nói chung và cơ quan hải quan nói riêng được thuận lợi, đảm bảo đúng các quy định của nhà nước.

### **III. Kết luận**

Tóm lại, Dự thảo Nghị định được đánh giá là một công cụ pháp lý hiệu quả cho việc thực hiện các thủ tục quá cảnh hải quan ACTS đồng thời được dự đoán là sẽ tạo ra các tác động tốt đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa quá cảnh, tăng cạnh tranh và thúc đẩy dịch vụ này phát triển trong thời gian tới với các định hướng, mục tiêu, yêu cầu về cải cách hệ thống chính sách pháp luật góp phần đưa nền kinh tế Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế quốc tế thành công.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS).

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ./.



Số: /2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

**DỰ THẢO THÁNG 02-2018**

## **NGHỊ ĐỊNH**

### **Quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS)**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; ;*

*Căn cứ Nghị định thư 7 Hệ thống quá cảnh hải quan;*

*Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về việc phê duyệt Nghị định thư 7 Hệ thống quá cảnh hải quan thuộc Hiệp định khung ASEAN về Tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định Quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN.*

## **Chương 1**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN.
2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan.
3. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.
4. Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về quá cảnh hàng hóa Hải quan ASEAN.
5. Tổ chức tín dụng hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng bảo lãnh nộp thuế hàng hóa vận chuyển quá cảnh.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN hoặc ACTS là hệ thống vận tải hàng hóa quá cảnh chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan nhằm tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa qua một hay nhiều quốc gia Đông Nam Á.

2. Người bảo lãnh là pháp nhân cam kết bằng văn bản với cơ quan hải quan nước đi, cơ quan hải quan nước quá cảnh, cơ quan hải quan nước đến về việc phải thanh toán bất kỳ khoản tiền thuế và các khoản phải nộp khác phát sinh theo yêu cầu của người có hàng hóa quá cảnh đi qua trong quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

3. Người bảo lãnh tại Việt Nam nơi hàng hóa quá xuất phát là tổ chức tín dụng hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng đảm bảo, cam kết bằng văn bản với cơ quan hải quan Việt Nam, cơ quan hải quan nước quá cảnh, cơ quan hải quan nước đến về việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp khoản tiền thuế và các khoản phải nộp khác có thể phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

4. Cơ quan hải quan tại điểm đi là cơ quan hải quan mà tại đó hoạt động quá cảnh hải quan bắt đầu.

5. Cơ quan hải quan tại điểm đích là cơ quan hải quan mà tại đó hoạt động quá cảnh hải quan kết thúc.

6. Cơ quan hải quan quá cảnh là cơ quan hải quan tại điểm đi hoặc cơ quan hải quan mà hàng hóa quá cảnh đi qua trong hoạt động quá cảnh.

7. Tờ khai hải quan quá cảnh là tờ khai mà người quá cảnh hàng hóa nộp cho cơ quan hải quan tại điểm đi để đặt hàng hóa dưới thủ tục ACTS.

8. Người quá cảnh hàng hóa là người thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh theo thủ tục hải quan ACTS, hoặc người đại diện được ủy quyền thực hiện công việc này.

9. Chứng từ đi kèm quá cảnh (Transit accompanying document – TAD) là chứng từ do cơ quan hải quan tại điểm đi phát hành cho người quá cảnh hàng hóa sau khi tờ khai hải quan được phê duyệt.

10. Bảo lãnh quá cảnh là sự đảm bảo của người bảo lãnh về thanh toán nợ thuế hải quan có thể phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

11. Bảo lãnh riêng là việc người bảo lãnh cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp các khoản tiền thuế và các khoản phải nộp khác có thể phát sinh phải nộp cho một tờ khai hải quan quá cảnh của một hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

12. Bảo lãnh chung là việc người bảo lãnh cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp các khoản thuế, phí có thể phát sinh phải nộp cho hai tờ khai hải quan quá cảnh trở lên của nhiều hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

13. Cơ quan giám sát bảo lãnh: là cơ quan được các bên ký kết tham gia

Nghị định thư 7 chỉ định thực hiện giám sát việc bảo lãnh vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

Cơ quan giám sát bảo lãnh tại Việt Nam: là cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc bảo lãnh vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

14. Nợ thuế hải quan là tiền thuế và các khoản phải nộp khác có thể phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

15. Hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan: là việc cơ quan hải quan các Bên ký kết tham gia hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan phát sinh trong quá trình vận chuyển quá cảnh tại lãnh thổ của Bên ký kết không phải là nơi cư trú của người quá cảnh hàng hóa.

16. Cơ quan thu hồi nợ thuế hải quan, cơ quan hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan hoặc yêu cầu hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan tại Việt Nam là cơ quan hải quan.

17. Bất thường trong quá trình quá cảnh hàng hóa: là trường hợp hàng hóa bị mất mát hoặc bị phá hủy, niêm phong quá cảnh bị hư hỏng hoặc bất kỳ bất thường hoặc rủi ro nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tuân thủ theo thủ tục ACTS.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quá cảnh, vận tải hàng hóa quá cảnh hải quan.**

1. Người quá cảnh hàng hóa có quyền quá cảnh hàng hóa theo thủ tục quy định tại Nghị định này.

2. Người quá cảnh hàng hóa có nghĩa vụ:

a) Xuất trình hàng hóa cùng với các chứng từ cần thiết cho cơ quan hải quan tại điểm đích trong thời hạn quy định;

b) Xuất trình các chứng từ và các thông tin khác liên quan đến hoạt động quá cảnh theo yêu cầu của cơ quan hải quan có thẩm quyền;

c) Tuân thủ theo các quy định về quá cảnh hàng hóa quy định tại Nghị định này;

d) Nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác phát sinh khi xảy ra bất thường trong quá trình quá cảnh hàng hóa.

đ) Vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, cửa khẩu quy định tại Nghị định thư 1 và 2 của Hiệp định khung ASEAN;

3. Quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này cũng được áp dụng đối với người vận tải hàng hóa quá cảnh theo ủy quyền của chủ hàng.

4. Người vận tải hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào chấp nhận việc vận chuyển hàng hóa theo thủ tục ACTS và đã biết là hàng hóa đó đang được vận chuyển theo thủ tục ACTS thì cũng phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người bảo lãnh**

1. Người bảo lãnh có các quyền sau:

a) Được miễn trách nhiệm liên quan đến hoạt động quá cảnh hàng hóa khi không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn quy định về những bất thường xảy ra đối với hàng hóa quá cảnh;

b) Không phải thanh toán nợ thuế và các khoản phải nộp khác khi thủ tục quá cảnh hàng hóa đã kết thúc trừ khi phát hiện ra gian lận.

c) Được hoàn lại số tiền đã thanh toán, đã đặt cọc trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền xác định không có vi phạm xảy ra liên quan đến hoạt động quá cảnh hoặc hoạt động quá cảnh có liên quan đã kết thúc.

d) Trường hợp hoạt động quá cảnh chưa kết thúc và cơ quan có thẩm quyền phát hiện có bất thường:

d.1) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày tờ khai hải quan quá cảnh được cơ quan hải quan tại nước đi chấp nhận, cơ quan giám sát bảo lãnh/cơ quan hải quan phải thông báo cho người bảo lãnh về việc thủ tục quá cảnh chưa được hoàn thành;

d.2) Trong thời hạn 270 ngày kể từ ngày tờ khai hải quan quá cảnh được cơ quan hải quan tại nước đi chấp nhận, cơ quan giám sát bảo lãnh/cơ quan hải quan phải thông báo cho người bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ thuế phát sinh trong quá trình vận chuyển quá cảnh.

d.3. Sau khi nhận được thông báo, người bảo lãnh phải hoàn thành việc thanh toán nợ thuế và các khoản phải nộp khác phát sinh.

2. Người bảo lãnh có nghĩa vụ nộp đủ tiền thuế và các khoản phải nộp khác phát sinh theo quy định của nước mà hàng hóa quá cảnh đi qua đối với hàng hóa quá cảnh và hàng hóa khác có trong phương tiện vận tải đường bộ hoặc trong container phải khai báo.

## **Chương 2.**

### **HỆ THỐNG QUÁ CẢNH ASEAN**

#### **Điều 6. Quy định về chuẩn dữ liệu trao đổi trên ACTS,**

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Phụ lục kỹ thuật của Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

#### **Điều 7. Quy định về các thông báo điện tử trong hệ thống quá cảnh.**

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Phụ lục kỹ thuật của Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

## **Chương 3.**

### **BẢO LÃNH, ĐẶT CỌC HÀNG QUÁ CẢNH**

#### **Điều 8. Bảo lãnh riêng (bảo lãnh một hành trình).**

1. Bảo lãnh riêng được cơ quan hải quan nước đi chấp nhận có giá trị cho tất cả các Bên ký kết tham gia Hệ thống ACTS.

2. Mức bảo lãnh bằng các khoản tiền thuế và các khoản phải nộp khác có thể phát sinh cho một tờ khai hải quan quá cảnh, được tính theo mức thuế, phí cao nhất theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa tại các lãnh thổ có hoạt động hàng hóa quá cảnh.

3. Thời hạn, hiệu lực bảo lãnh:

a) Thời hạn bảo lãnh riêng không quá 90 ngày kể từ ngày Thu bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh được cơ quan hải quan đi chấp nhận.

b) Hiệu lực của Thu bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh có giá trị đến khi kết thúc hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

4. Điều kiện của người bảo lãnh:

a) Có trụ sở tại nước của Bên ký kết mà bảo lãnh được phát hành;

b) Có địa chỉ giao dịch tại lãnh thổ của mỗi bên ký kết tham gia vào quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh. Trường hợp không có địa chỉ giao dịch thì phải chỉ định ủy quyền cho đại lý tại lãnh thổ của mỗi bên ký kết tham gia vào quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

5. Trách nhiệm của người bảo lãnh:

Trong thời hạn, hiệu lực bảo lãnh phát sinh tiền thuế và các khoản phải nộp khác của hàng hóa quá cảnh đã được bảo lãnh mà người quá cảnh hàng hóa không nộp thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan hải quan về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác người bảo lãnh có trách nhiệm nộp đủ các khoản thuế, phí, tiền chậm nộp (nếu có) vào ngân sách nhà nước tại nước phát sinh nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác thay cho người quá cảnh hàng hóa.

6. Hồ sơ bảo lãnh:

a) Người bảo lãnh có văn bản đề nghị bảo lãnh quá cảnh và được cơ quan bảo lãnh chấp nhận bằng văn bản;

b) Khi đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh, người quá cảnh hàng hóa nộp Thu bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh cho cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh: 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu;

c) Nội dung Thu bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh thực hiện theo mẫu do các nước thành viên thống nhất.

7. Kiểm tra, theo dõi, xử lý bảo lãnh:

Cơ quan hải quan nơi người quá cảnh hàng hóa đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh kiểm tra, theo dõi, xử lý bảo lãnh như sau:

a) Trường hợp người bảo lãnh đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định, Thu bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh hợp lệ thì chấp nhận Thu bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh và thông báo trên Hệ thống điện tử cho cơ quan hải quan nước quá cảnh, nước đến biết.

b) Trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện, Thư bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh không hợp lệ thì có văn bản thông báo từ chối bảo lãnh cho người quá cảnh hàng hóa biết.

Trường hợp nghi ngờ tính trung thực của Thư bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh, có văn bản trao đổi với người bảo lãnh để xác minh.

c) Trong thời hạn bảo lãnh, nếu hàng hóa quá cảnh được bảo lãnh phát sinh các khoản thuế, phí phải nộp hoặc quá thời hạn bảo lãnh người quá cảnh hàng hóa chưa hoàn thành hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chưa nộp thuế thì cơ quan hải quan thông báo cho người bảo lãnh biết để thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế, phí, tiền chậm nộp (nếu có) thay cho người quá cảnh hàng hóa.

d) Trường hợp người bảo lãnh không thực hiện đúng cam kết thì cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản hoặc trên Hệ thống dữ liệu điện tử cho các đơn vị hải quan trên phạm vi toàn quốc và cơ quan hải quan các nước tham gia Hệ thống ACTS biết để không chấp nhận Thư bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh của người bảo lãnh đó.

đ) Trường hợp người quá cảnh hàng hóa và người bảo lãnh cùng đồng thời nộp thuế, tiền chậm nộp (nếu có) thì tiền thuế, tiền chậm nộp, nộp thừa được hoàn trả cho người bảo lãnh.

e) Sau khi nhận được thông tin của cơ quan hải quan điểm đến về việc người quá cảnh hàng hóa đã hoàn thành hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh, cơ quan hải quan điểm đi thông báo cho người bảo lãnh biết.

g) Trong vòng 01 năm kể từ ngày tờ khai hải quan quá cảnh được cơ quan hải quan tại điểm đi chấp nhận mà người bảo lãnh không nhận được thông báo về các khoản thuế, phí, tiền chậm nộp (nếu có) phát sinh phải nộp trong quá trình vận chuyển quá cảnh thì được miễn các trách nhiệm có liên quan đến hoạt động quá cảnh đó.

h) Việc hoàn trả các khoản thuế, phí, tiền chậm nộp (nếu có) liên quan đến hoạt động vận chuyển hàng hóa quá cảnh quy định tại Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

### **Điều 9. Bảo lãnh chung (bảo lãnh nhiều hành trình)**

1. Bảo lãnh chung được cơ quan hải quan nước đi chấp nhận có giá trị cho tất cả các Bên ký kết tham gia Hệ thống ACTS

2. Mức bảo lãnh:

a) Mức bảo lãnh bằng các khoản thuế, phí có thể phát sinh phải nộp cho 2 tờ khai hải quan quá cảnh trở lên, được xác định trên cơ sở khoản tham chiếu do cơ quan hải quan xác định.

Mức bảo lãnh có thể giảm xuống còn 50% hoặc 25% của khoản tham chiếu hoặc được miễn bảo lãnh theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Phụ lục kỹ thuật Nghị định thư 7.

Việc giảm mức bảo lãnh phải đảm bảo không thấp hơn các khoản thuế,

phí có thể phát sinh phải nộp của tờ khai hải quan quá cảnh hiện tại hoặc tờ khai hải quan quá cảnh dự kiến.

### 3. Thời hạn, hiệu lực bảo lãnh:

a) Thời hạn bảo lãnh chung: là khoảng thời gian bảo lãnh cho 02 tờ khai trở lên nhưng đối với mỗi tờ khai hải quan quá cảnh có sử dụng bảo lãnh chung thì thời hạn bảo lãnh không quá 90 ngày, kể từ ngày tờ khai được cơ quan hải quan tại nước đi chấp nhận.

b) Hiệu lực của Thư bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh có giá trị đến khi kết thúc hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

4. Điều kiện và trách nhiệm của người bảo lãnh thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 8 Nghị định này.

### 5. Hồ sơ bảo lãnh:

a) Trước khi làm thủ tục cho hàng hoá quá cảnh, người quá cảnh hàng hóa có văn bản gửi cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh đề nghị được bảo lãnh chung. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày có văn bản gửi cơ quan hải quan, người quá cảnh hàng hóa kê khai số lượng hàng hóa, các khoản thuế, phí dự kiến có thể phát sinh phải nộp cho hai tờ khai hải quan quá cảnh trở lên của nhiều hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

b) Nội dung Thư bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh thực hiện theo mẫu số... được xuất trình sau khi cơ quan hải quan nơi người quá cảnh hàng hóa đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh đã xác định một khoản tham chiếu về số lượng hàng hóa, các khoản thuế, phí được bảo lãnh có thể phát sinh phải nộp của nhiều hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

### 6. Xác định khoản tham chiếu:

Trên cơ sở đề nghị của người quá cảnh hàng hóa, cơ quan hải quan xác định khoản tham chiếu dựa trên:

a.1) Thông tin của hàng hóa mà người quá cảnh thực hiện khai báo trên Hệ thống ACTS;

a.2) Các mức thuế, phí cao nhất theo quy định của pháp luật về thuế tại các lãnh thổ có hoạt động hàng hóa quá cảnh.

a.3) Khoản tham chiếu này cơ quan hải quan rà soát ít nhất một năm một lần và điều chỉnh nếu thấy cần thiết.

7. Việc kiểm tra, theo dõi, xử lý bảo lãnh thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Phụ lục kỹ thuật Nghị định thư 7.

### **Điều 10. Đặt cọc hàng quá cảnh.**

1. Người quá cảnh hàng hóa được lựa chọn hình thức đặt cọc cho các khoản thuế, phí có thể phát sinh phải nộp cho một tờ khai hải quan quá cảnh vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan điếm đi.

Số tiền đặt cọc bằng các khoản thuế và các khoản phải nộp khác có thể phát sinh cho một tờ khai hải quan quá cảnh, được tính theo mức thuế, phí cao

nhất theo quy định của pháp luật về thuế tại các lãnh thổ có hoạt động hàng hóa quá cảnh. Số tiền đặt cọc này có giá trị cho tất cả các Bên ký kết tham gia Hệ thống ACTS

2. Đồng tiền đặt cọc và hình thức thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

3. Sau khi hoạt động vận chuyển hàng hóa quá cảnh kết thúc, cơ quan hải quan hoàn trả lại khoản tiền đặt cọc theo quy định tại điểm h khoản 7 Điều 8 Nghị định này.

### **Điều 11. Hủy bỏ, thu hồi bảo lãnh**

1. Người bảo lãnh dùng sử dụng bảo lãnh riêng hoặc bảo lãnh chung (hủy ngang) phải có văn bản gửi cơ quan hải quan nơi người quá cảnh hàng hóa đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh.

2. Người bảo lãnh chỉ được cơ quan hải quan chấp nhận dùng sử dụng bảo lãnh vào ngày thứ 14 kể từ ngày có văn bản thông báo dùng bảo lãnh với điều kiện việc dùng bảo lãnh không ảnh hưởng đến bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh của hoạt động vận chuyển hàng hóa quá cảnh trước đó mà người bảo lãnh phải chịu trách nhiệm.

Trường hợp có liên quan đến nghĩa vụ phát sinh của hoạt động vận chuyển hàng hóa quá cảnh trước đó thì người bảo lãnh và người quá cảnh hàng hóa phải hoàn thành xong trước khi cơ quan hải quan chấp nhận dùng sử dụng bảo lãnh.

3. Thư bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh không còn giá trị sử dụng kể từ ngày cơ quan hải quan chấp nhận cho người bảo lãnh được dùng bảo lãnh.

4. Người quá cảnh hàng hóa có trách nhiệm trả lại Thư bảo lãnh hoặc Hóa đơn bảo lãnh (bản chính) không còn giá trị sử dụng cho cơ quan hải quan.

5. Cơ quan hải quan nơi chấp nhận dùng sử dụng bảo lãnh có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan các nước tham gia Hệ thống ACTS được biết.

## **Chương 4**

### **DOANH NGHIỆP QUÁ CẢNH ĐƯỢC ƯU TIÊN**

#### **Điều 12. Điều kiện để doanh nghiệp được ưu tiên**

1. Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế

Trong thời hạn 05 năm liên tục tính đến thời điểm Người quá cảnh hàng hóa nộp văn bản đề nghị được ưu tiên, Người quá cảnh hàng hóa không vi phạm các quy định của pháp luật về thuế, hải quan;

2. Điều kiện về lưu giữ và cung cấp chứng từ có liên quan hàng hóa quá cảnh:

Các chứng từ liên quan đến hàng hóa quá cảnh phải được Người quá cảnh hàng hóa lưu giữ đầy đủ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đáp ứng được yêu cầu kiểm soát chặt chẽ hàng hóa quá cảnh.



### 3. Điều kiện về nơi nộp đơn xin cấp quyền ưu tiên.

Người nộp đơn xin cấp quyền ưu tiên phải có văn phòng đã được đăng ký, trụ sở chính hoặc cơ sở doanh nghiệp cố định tại lãnh thổ nước thành viên nơi nộp đơn xin cấp quyền ưu tiên.

### **Điều 13. Các quyền ưu tiên.**

1. Thời hạn Người quá cảnh hàng hóa được hưởng các quyền ưu tiên là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên.

2. Các quyền ưu tiên của doanh nghiệp quá cảnh được cấp quyền ưu tiên:

a) Được ưu tiên được sử dụng bảo lãnh nhiều hành trình;

b) Được cơ quan hải quan miễn kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật.

c) Được sử dụng nhiệm phong đặc biệt được chứng nhận.

d) Được sử dụng các thủ tục đơn giản khác do nước từng nước thành viên quyết định.

### **Điều 14. Thủ tục công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên làm thủ tục ACTS; sửa đổi, thu hồi quyết định công nhận**

1. Hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do các nước thành viên thống nhất: 01 bản chính;

b) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 05 năm gần nhất theo mẫu: 01 bản chính;

c) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp trong đó mô tả đầy đủ quy trình quản lý, lưu giữ, kiểm soát chứng từ liên quan đến hàng hóa quá cảnh của doanh nghiệp: 01 bản chụp;

d) Văn bản cam kết thường xuyên sử dụng thủ tục ACTS: 01 bản chính.

2. Thẩm định, công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên:

a) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng cục Hải quan thẩm định, kết luận về việc công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên.

b) Trường hợp người quá cảnh hàng hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên.

Quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên có hiệu lực trong thời hạn 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày ban hành quyết định và tự động gia hạn thêm 03 năm tiếp theo nếu vẫn đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

### 3. Sửa đổi, thu hồi quyết định công nhận:

Doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên sẽ bị sửa đổi, thu hồi quyết định công nhận trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đáp ứng một trong các điều kiện để được công nhận quy định tại Điều 12 Nghị định này;
- b) Thương nhân quá cảnh được ưu tiên đề nghị từ bỏ quyền ưu tiên.

### **Điều 15. Trách nhiệm của các bên trong việc quản lý doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên.**

1. Các quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên được gửi cho các Bên ký kết Hiệp định và được các Bên ký kết Hiệp định rà soát, cho ý kiến phản hồi trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông tin.

2. Các quyết định sửa đổi, thu hồi quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên phải được gửi cho các Bên ký kết Hiệp định.

## **Chương 5**

### **THỦ TỤC HẢI QUAN QUÁ CẢNH ACTS**

### **Điều 16. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam và quá cảnh qua các nước Asean (Việt Nam là điểm xuất phát của hàng hóa quá cảnh).**

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan ACTS: trụ sở Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm hàng hóa quá cảnh đi, Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc Nghị định thư 2 của Hiệp định khung ASEAN nơi hàng hóa xuất cảnh.

#### 2. Hồ sơ hải quan ACTS:

a) Tờ khai hải quan điện tử theo mẫu.

Tờ khai hải quan giấy theo mẫu thỏa thuận giữa các nước ký kết Nghị định thư 7 trong trường hợp Hệ thống điện tử của cơ quan hải quan có thẩm quyền hoặc của người quá cảnh hàng hóa không hoạt động hoặc toàn bộ hoặc một phần mạng lưới kết nối giữa người quá cảnh hàng hóa và cơ quan hải quan có thẩm quyền không hoạt động: 01 bản chính;

b) Chứng từ bảo lãnh: 01 bản chụp;

c) Giấy phép quá cảnh theo quy định của pháp luật nước quá cảnh (nếu có): 01 bản chính.

d) Chứng từ đi kèm quá cảnh: 01 bản chính;

đ) Bản sao chứng từ đi kèm quá cảnh: Trường hợp các hệ thống điện tử giữa cơ quan hải quan tại điểm đi và cơ quan hải quan tại điểm đích và/hoặc một hoặc nhiều cơ quan hải quan quá cảnh không hoạt động để các cơ quan hải quan này lưu 01 bản và 01 bản đóng dấu, gửi trả người quá cảnh hàng hóa.

3. Thời hạn quá cảnh: Chi cục Hải quan tại nơi hàng hóa quá cảnh vận chuyển đi quyết định thời hạn quá cảnh của lô hàng quá cảnh và thông báo với các cơ quan hải quan nơi hàng hóa quá cảnh đi qua để theo dõi.

4. Trách nhiệm của người quá cảnh hàng hóa:

a) Khai báo và gửi thông tin tờ khai quá cảnh hải quan cho cơ quan hải quan tại điểm đi.

b) Tiếp nhận thông tin phản hồi từ Hệ thống quá cảnh hải quan ACTS và thực hiện theo yêu cầu từ cơ quan hải quan có thẩm quyền.

c) Xuất trình Bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều này; đồng thời xuất trình phương tiện vận tải đường bộ, xe mooc và bất kỳ container nào cùng với hàng hóa cho cơ quan hải quan tại điểm đi khi được yêu cầu.

d) Trường hợp là doanh nghiệp quá cảnh ưu tiên được miễn xuất trình hàng hóa tại cơ quan hải quan tại điểm đi thì thực hiện khai báo bổ sung một số thông tin chi tiết trên tờ khai quá cảnh hải quan (thông tin về chặng đường vận chuyển quá cảnh, thời hạn quá cảnh hàng đến đích, các biện pháp nhận diện áp dụng) và trên chứng từ đi kèm quá cảnh phải có cụm từ “doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên – Miễn xuất trình hàng hóa tại cơ quan hải quan tại điểm đi”.

đ) Đảm bảo niêm phong hải quan theo quy định tại Điều 3 và Điều 20 Phụ lục kỹ thuật kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

e) Thực hiện và thông báo các đơn vị liên quan (đơn vị bảo lãnh, Hải quan nước đi, Hải quan nước quá cảnh và Hải quan nước đến) những bất thường xảy ra trong quá cảnh theo quy định tại Điều 27 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi quản lý hàng hóa quá cảnh tại điểm đi.

a) Tiếp nhận trên Hệ thống ACTS hoặc trực tiếp từ người khai hải quan hồ sơ hải quan theo quy định tại Khoản 2 Điều này và kiểm tra, đối chiếu các thông tin khai báo với quy định về chính sách mặt hàng, chính sách thuế và bảo lãnh theo quy định tại Nghị định thư 7. Trường hợp thông tin khai báo không phù hợp thì nêu rõ lý do và thông báo (trên Hệ thống ACTS hoặc trực tiếp bằng phiếu yêu cầu nghiệp vụ theo mẫu đính kèm Nghị định này) yêu cầu người khai hải quan sửa đổi, bổ sung thông tin theo đúng quy định. Trường hợp thông tin khai báo phù hợp thì thực hiện tiếp các công việc dưới đây.

b) Thực hiện kiểm tra phương tiện vận tải đường bộ, xe mooc và bất kỳ container nào cùng với hàng hóa (trừ trường hợp được miễn kiểm tra hàng hóa) và ghi lại dữ liệu trong ô chỉ định của chứng từ đi kèm quá cảnh và cập nhật vào hệ thống;

c) Thực hiện niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa quá cảnh và nhập số niêm phong hải quan lên Hệ thống ACTS (trừ trường hợp hàng hóa không thể thực hiện niêm phong hải quan như hàng rời, hàng siêu trường, siêu trọng, hàng công kênh);

d) Quy định thời hạn cho việc hoàn tất hoạt động quá cảnh trước khi hàng hóa được xuất trình cho cơ quan hải quan tại điểm đích trên cơ sở xem xét đến hành trình và thông tin do người quá cảnh hàng hóa cung cấp.

đ) Sau khi cho phép thông quan, phát hành cho người quá cảnh một chứng từ đi kèm quá cảnh và gửi thông điệp “Hồ sơ đến dự kiến” cho cơ quan Hải quan điểm đích, thông điệp “Hồ sơ quá cảnh dự kiến” cho Hải quan nước quá cảnh trên Hệ thống ACTS theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7.

e) Phối hợp, thông báo các đơn vị liên quan (đơn vị bảo lãnh, Hải quan nước quá cảnh và Hải quan nước đến) xử lý những bất thường xảy ra trong quá cảnh theo quy định tại Điều 27 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

g) Lưu bản sao chứng từ đi kèm quá cảnh và đóng dấu vào bản gốc chứng từ đi kèm quá cảnh để gửi trả người quá cảnh hàng hóa trong trường hợp các hệ thống điện tử giữa cơ quan hải quan tại điểm đi và cơ quan hải quan tại điểm đích và/hoặc một hoặc nhiều cơ quan hải quan quá cảnh không hoạt động;

h) Thực hiện theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7 về hoàn thành hoạt động quá cảnh.

#### 6. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi hàng hóa xuất cảnh:

a) Kiểm tra các thông tin cho phép hàng thông quan trên Hệ thống ACTS, kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa. Trường hợp thông tin phù hợp thì cho phép lô hàng xuất cảnh. Trường hợp thông tin không phù hợp thì phối hợp với Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan ACTS (cơ quan hải quan tại điểm đi) để xác minh, làm rõ hoặc xử lý vi phạm (nếu có).

b) Thực hiện thủ tục xuất cảnh đối với phương tiện vận tải theo quy định của Hiệp định khung ASEAN.

c) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan cho hàng hóa và phương tiện xuất cảnh, thông báo kết quả lên Hệ thống ACTS hoặc thông báo bằng văn bản (đối với trường hợp hệ thống gặp sự cố) cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan ACTS (cơ quan hải quan tại điểm đi) về việc đã hoàn thành thủ tục hải quan để theo dõi, quản lý.

d) Trường hợp hàng hóa làm thủ tục xuất cảnh tại Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất thì thực hiện như khoản 5 Điều này.

#### 7. Khai sửa đổi, bổ sung tờ khai quá cảnh hải quan

a) Thời điểm khai sửa đổi, bổ sung: thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 23 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

b) Việc sửa đổi, bổ sung tờ khai hải quan phải không ảnh hưởng đến bản chất, loại hình hoặc mô tả chính thức của hàng hóa đó.

c) Trường hợp người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai quá cảnh ACTS đã gửi cho cơ quan hải quan thì thực hiện việc sửa đổi, bổ sung gửi lại cho Chi cục Hải quan tại điểm đi. Việc sửa đổi, bổ sung các chứng từ khác được Chi cục trưởng Chi cục Hải quan tại điểm đi cho phép khi người khai có yêu cầu và có lý do chính đáng (có xác nhận của đơn vị liên quan về việc sửa đổi, bổ sung thông tin chứng từ liên quan).

d) Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm hàng hóa quá cảnh đi thực hiện quy định tại điểm a, khoản 5 Điều này, cập nhật và thông báo thông tin sửa đổi, bổ sung trên Hệ thống ACTS cho Hải quan quá cảnh, Hải quan đến và Chi cục Hải quan cửa khẩu để triển khai công tác nghiệp vụ có liên quan.

**Điều 17. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua các nước Asean và nhập cảnh vào Việt Nam (Việt Nam là điểm đích của hành trình quá cảnh).**

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan ACTS: trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc Nghị định thư 2 của Hiệp định khung ASEAN nơi hàng hóa nhập cảnh và Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm hàng hóa quá cảnh đến (Chi cục hải quan tại điểm đích).

2. Hồ sơ hải quan ACTS:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

3. Thời hạn quá cảnh: thực hiện theo thỏa thuận với các bên ký kết theo quy định tại Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

4. Trách nhiệm của người quá cảnh hàng hóa:

a) Thực hiện khai báo tờ khai hải quan ACTS theo quy định tại Điều 23 Phụ lục kỹ thuật kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN;

b) Xuất trình Bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều này; đồng thời xuất trình phương tiện vận tải cùng với hàng hóa chứa trong phương tiện vận tải đó và bất kỳ danh mục hàng hóa nào liên quan cho cơ quan hải quan tại điểm đích để kiểm tra.

c) Đảm bảo niêm phong hải quan theo quy định tại Điều 3 và Điều 20 Phụ lục kỹ thuật kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

d) Thực hiện và thông báo các đơn vị liên quan (đơn vị bảo lãnh, Hải quan nước đi, Hải quan nước quá cảnh và Hải quan nước đến) những bất thường xảy ra trong quá cảnh theo quy định tại Điều 27 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi hàng hóa nhập cảnh:

a) Kiểm tra các thông tin cho phép hàng thông quan trên Hệ thống ACTS, kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa. Trường hợp thông tin phù hợp thì cho phép lô hàng nhập cảnh. Trường hợp thông tin không phù hợp thì phối hợp với Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm hàng hóa quá cảnh đến để xác minh, làm rõ hoặc xử lý vi phạm (nếu có).

b) Thực hiện thủ tục nhập cảnh đối với phương tiện vận tải theo quy định của Hiệp định khung ASEAN.

c) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan cho hàng hóa và phương tiện nhập cảnh, thông báo kết quả lên Hệ thống ACTS hoặc thông báo bằng văn bản (đối với trường hợp hệ thống gặp sự cố) cho Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm hàng hóa quá cảnh đến để theo dõi, quản lý.

6. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm hàng hóa quá cảnh đến.

a) Tiếp nhận trên Hệ thống ACTS hoặc trực tiếp từ người khai hải quan hồ sơ hải quan theo quy định tại Khoản 2 Điều này và kiểm tra, đối chiếu các thông tin khai khai báo với quy định về chính sách mặt hàng, chính sách thuế và bảo lãnh theo quy định tại Nghị định thư 7. Trường hợp thông tin khai báo phù hợp thì thực hiện tiếp các công việc dưới đây. Trường hợp thông tin khai báo không phù hợp thì nêu rõ lý do và thông báo (trên Hệ thống ACTS hoặc trực tiếp bằng phiếu yêu cầu nghiệp vụ) yêu cầu người khai hải quan sửa đổi, bổ sung thông tin theo đúng quy định.

b) Theo dõi, hồi báo thông tin khai sửa đổi, bổ sung trên Hệ thống ACTS do cơ quan Hải quan tại điểm đi gửi và thông báo cho Chi cục Hải quan cửa khẩu để triển khai công tác nghiệp vụ có liên quan.

c) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa quá cảnh, kiểm tra thực tế hàng hóa, xử lý vi phạm (nếu có).

d) Thực hiện theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7 về xác nhận hoàn thành hoạt động quá cảnh.

đ) Phối hợp, thông báo các đơn vị liên quan (đơn vị bảo lãnh, Hải quan nước quá cảnh và Hải quan nước đến) xử lý những bất thường xảy ra trong quá cảnh theo quy định tại Điều 27 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

e) Thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa quá cảnh theo quy định của pháp luật hải quan Việt Nam.

**Điều 18. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua Việt Nam và đến các nước Asean.**

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan ACTS: trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc Nghị định thư 2 của Hiệp định khung ASEAN nơi hàng hóa quá cảnh.

2. Hồ sơ hải quan ACTS:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

3. Thời hạn quá cảnh: thực hiện theo thỏa thuận với các bên ký kết theo quy định tại Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

4. Trách nhiệm của người quá cảnh hàng hóa:

a) Vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, cửa khẩu quy định tại Nghị định thư 1 và 2 của Hiệp định khung ASEAN;

b) Xuất trình Bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều này; đồng thời xuất trình phương tiện vận tải cùng với hàng hóa chứa trong phương tiện vận tải đó và bất kỳ danh mục hàng hóa nào liên quan cho cơ quan hải quan tại điểm đích để kiểm tra.

c) Đảm bảo niêm phong hải quan theo quy định tại Điều 3 và Điều 20 Phụ lục kỹ thuật kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

đ) Thực hiện và thông báo các đơn vị liên quan (đơn vị bảo lãnh, Hải quan nước đi, Hải quan nước quá cảnh và Hải quan nước đến) những bất thường xảy ra trong quá cảnh theo quy định tại Điều 27 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi hàng hóa quá cảnh nhập khẩu:

a) Thực hiện thủ tục quá cảnh theo quy định tại Điều 26 Phụ lục kỹ thuật kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN; Kiểm tra các thông tin cho phép hàng thông quan trên Hệ thống ACTS, kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa. Trường hợp thông tin phù hợp thì cho phép lô hàng nhập cảnh. Trường hợp thông tin không phù hợp thì phối hợp với Hải quan nước quá cảnh đi để xác minh, làm rõ hoặc xử lý vi phạm (nếu có);

b) Thực hiện thủ tục nhập cảnh đối với phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định thư số... của Hiệp định khung ASEAN;

c) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan cho hàng hóa và phương tiện nhập cảnh, thông báo kết quả lên Hệ thống ACTS, xác nhận trên chứng từ đi kèm theo mẫu do các bên thống nhất theo quy định tại Nghị định thư 7 do người khai hải quan xuất trình và thông báo cho Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi hàng hóa xuất cảnh được biết.

d) Phối hợp, thông báo các đơn vị liên quan (đơn vị bảo lãnh, Hải quan nước đi và Hải quan nước đến) xử lý những bất thường xảy ra trong quá cảnh theo quy định tại Điều 27 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

6. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi hàng hóa quá cảnh xuất khẩu :

a) Thực hiện thủ tục quá cảnh theo quy định tại Điều 26 Phụ lục kỹ thuật kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN; Kiểm tra các thông tin cho phép hàng thông quan trên Hệ thống ACTS, kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa. Trường hợp thông tin phù hợp thì cho phép lô hàng xuất cảnh. Trường hợp thông tin không phù hợp thì phối hợp với Hải quan nước quá cảnh đi để xác minh, làm rõ hoặc xử lý vi phạm (nếu có);

b) Nếu cần thiết có thể thực hiện kiểm tra phương tiện vận tải đường bộ, xe mooc và bất kỳ container nào cùng với hàng hóa, ghi lại dữ liệu trong ô chỉ định của chứng từ đi kèm quá cảnh và cập nhật vào hệ thống; ghi số niêm phong mới được đóng dấu theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Phụ lục kỹ thuật của Nghị định thư 7.

b) Thực hiện thủ tục xuất cảnh đối với phương tiện vận tải theo quy định của Hiệp định khung ASEAN;

c) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan cho hàng hóa và phương tiện xuất cảnh, thông báo kết quả lên Hệ thống ACTS, xác nhận trên chứng từ đi kèm theo mẫu do các bên thống nhất theo quy định tại Nghị định thư 7 do người khai hải quan xuất trình và hồi báo cho Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi hàng hóa nhập cảnh được biết lưu hồ sơ theo quy định.

d) Phối hợp, thông báo các đơn vị liên quan (đơn vị bảo lãnh, Hải quan nước đi và Hải quan nước đến) xử lý những bất thường xảy ra trong quá cảnh theo quy định tại Điều 27 Phụ lục kỹ thuật ban hành kèm Nghị định thư 7 của Hiệp định khung ASEAN.

### **Điều 19. Giám sát hàng quá cảnh ACTS.**

a) Hàng hóa quá cảnh phải được niêm phong hải quan theo quy định;

b) Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm/hạn chế quá cảnh phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật;

c) Hàng hóa quá cảnh nhập khẩu vào Việt Nam thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập thì phải thực hiện thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.

d) Trong thời gian quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam, nếu người khai hải quan thực hiện trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải hoặc các công việc khác thì phải thông báo và được sự đồng ý của cơ quan hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu trước khi thực hiện.

đ) Trong trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường quy định, thời gian đăng ký thì người khai hải quan, sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan để xử lý; trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, để xác nhận và xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Chương 6**

### **QUY ĐỊNH VỀ DANH MỤC HÀNG HÓA CẤM/HẠN CHẾ QUÁ CẢNH THEO HỆ THỐNG QUÁ CẢNH HẢI QUAN ASEAN (ACTS)**

#### **Điều 20. Danh mục hàng hóa cảnh**

Mọi hàng hóa thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước thành viên Nghị định thư 7 đều được quá cảnh theo Hệ thống ACTS, trừ hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm/hạn chế quá cảnh theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định thư 7.

#### **Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa cấm/hạn chế quá cảnh**



Danh mục hàng hóa cấm/hạn chế quá cảnh này có thể được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, được quá cảnh lãnh thổ Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

## **Chương 7**

### **NỢ THUẾ HẢI QUAN VÀ THU HỒI NỢ THUẾ HẢI QUAN**

#### **Điều 22. Nợ thuế hải quan**

1. Các trường hợp được xác định là phát sinh nợ thuế hải quan:

a) Hàng hóa di chuyển bất hợp pháp khỏi thủ tục ACTS;

b) Hàng hóa không di chuyển bất hợp pháp nhưng không hoàn thành một trong các nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng thủ tục ACTS hoặc không đáp ứng các điều kiện theo quy định về việc hàng hóa được vận chuyển theo thủ tục ACTS.

2. Địa điểm được xác định là phát sinh nợ thuế hải quan: là nơi mà bất thường xảy ra trong quá trình vận chuyển quá cảnh dẫn đến phát sinh nợ thuế hải quan. Trường hợp không xác định được bất thường xảy ra tại một địa điểm cụ thể thì địa điểm phát sinh nợ thuế hải quan là nơi bất thường được phát hiện.

3. Người chịu trách nhiệm thanh toán nợ thuế hải quan sau đây, tùy từng trường hợp sẽ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ hoặc một phần nợ thuế hải quan:

a) Người quá cảnh hàng hóa;

b) Người bảo lãnh;

c) Người di chuyển hàng hóa bất hợp pháp khỏi thủ tục ACTS;

d) Người tham gia vào quá trình di chuyển hàng hóa bất hợp pháp khỏi thủ tục ACTS;

e) Người sở hữu hoặc nắm giữ hàng hóa di chuyển bất hợp pháp khỏi thủ tục ACTS;

4. Miễn trách nhiệm thanh toán nợ thuế hải quan: Người chịu trách nhiệm thanh toán nợ thuế hải quan nêu tại khoản 3 Điều này chứng minh được việc phát sinh nghĩa vụ thuế đối với hàng hóa bị mất mát, phá hủy là do bản chất tự nhiên của hàng hóa hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không thể phục hồi, sử dụng được thì không phải thanh toán nợ thuế hải quan.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xác nhận vẫn phát sinh nợ thuế hải quan thì số nợ thuế được xác định dựa trên chủng loại, chất lượng, số lượng, trọng lượng và trị giá hải quan tương ứng phần hàng hóa bị mất mát, phá hủy nhưng vẫn sử dụng được tại thời điểm phát sinh nợ thuế.

#### **Điều 23. Thu hồi và hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan**

1. Thu hồi nợ thuế hải quan:

a) Cơ quan hải quan Việt Nam thực hiện thu hồi nợ thuế hải quan phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định của Nghị định thư 7 và pháp luật về thuế, quản lý thuế của Việt Nam.

b) Trường hợp cơ quan hải quan Việt Nam chưa thu hồi được hoặc thu hồi chưa đủ tiền thuế thì yêu cầu các Bên ký kết hỗ trợ thu hồi nợ thuế.

c) Trường hợp cơ quan hải quan Việt Nam nhận được yêu cầu hỗ trợ thu hồi nợ thuế của các Bên ký kết thì thực hiện thu hồi nợ thuế theo yêu cầu của Bên ký kết.

2. Hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan:

a) Hình thức hỗ trợ:

Việc hỗ trợ thu hồi nợ thuế được thực hiện bằng hình thức văn bản hoặc thông qua hệ thống điện tử.

Yêu cầu hỗ trợ thu hồi nợ thuế phải đảm bảo tối thiểu các thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Phụ lục kỹ thuật Nghị định thư 7.

b) Thời hạn xử lý yêu cầu hỗ trợ:

Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hỗ trợ, cơ quan được yêu cầu hỗ trợ phải thông báo cho cơ quan yêu cầu hỗ trợ về các hoạt động tiến hành để thu hồi nợ thuế và kết quả thu hồi nợ thuế (nếu có).

Trường hợp không thu hồi được, chưa thu hồi đủ hoặc từ chối hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan thì cơ quan được yêu cầu hỗ trợ thông báo bằng văn bản cho cơ quan yêu cầu hỗ trợ.

c) Ngừng hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan:

Trường hợp người quá cảnh hàng hóa chứng minh khoản nợ thuế đang được xem xét tại Bên ký kết của cơ quan yêu cầu hỗ trợ thì cơ quan được yêu cầu hỗ trợ tạm ngừng các hoạt động thu hồi nợ thuế và có văn bản thông báo cho cơ quan yêu cầu hỗ trợ.

## Chương 7

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 24. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2018.

#### Điều 25. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể tuyến đường được vận chuyển hàng hóa quá cảnh Hải quan ASEAN.

3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ liên quan cung cấp Danh mục hàng hóa cấm và hạn chế cho Tổng thư ký ASEAN.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**